

Số: 260/TĐBS.SĐK.DONA_SYTĐN
(V/v thay đổi bổ sung Sổ đăng ký lưu hành)

THÔNG BÁO VỀ VIỆC BỔ SUNG THAY ĐỔI SỐ ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH

Kính gửi: SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

BAN MUA THUỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Lời đầu tiên Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Quý Sở đối với Công ty chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Căn cứ Quyết định số 1572/QĐ-SYT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở y tế Tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (lần 1) Gói thầu số 01: Thuốc generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023-2024.

Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm xin thông báo đến Sở Y tế tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung thay đổi số đăng ký của mặt hàng mà công ty chúng tôi đã trúng thầu của Quyết định 1572/QĐ-SYT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở y tế Tỉnh Đồng Nai như sau:

STT	STT trong HSMT	Tên thuốc	Nhà sản xuất – Nước sản xuất	Số đăng ký đã trúng thầu	Số đăng ký thay đổi bổ sung
1	2293	A.T Ascorbic syrup	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	VD-25624-16	893100275023

Tài liệu đính kèm gồm có:

+ Quyết định số 737/QĐ-QLD ngày 09 tháng 10 năm 2023 Về việc ban hành Danh mục 1017 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 187.

+ Quyết định Quyết định số 1572/QĐ-SYT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở y tế Tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (lần 1) Gói thầu số 01: Thuốc generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023-2024.

Kính mong Quý Sở Y tế Đồng Nai cho Công ty chúng tôi được bổ sung số đăng ký của thuốc đã trúng thầu.
Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

Đại diện hợp pháp của công ty



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Dặng Xuân Trung



Ký bởi: Cục Quản
lý Dược
Cơ quan: Bộ Y tế
Ngày ký: 09-10-
2023 16:20:22
+07:00

**BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 737 / QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục 1017 thuốc sản xuất trong nước
được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 187**

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 1017 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 187, cụ thể:

1. Danh mục 918 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 05 năm (Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục 99 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 03 năm (Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Thực hiện, phối hợp với cơ sở nhập khẩu thực hiện theo đúng quy định tại Công văn số 5853/QLD-CL ngày 19/4/2019 của Cục Quản lý Dược về việc kiểm tra chất lượng nguyên liệu làm thuốc nhóm sartan đối với các thuốc thuộc danh mục tại Điều 1 ban hành kèm theo Quyết định này có chứa dược chất thuộc nhóm sartan

5. Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định của Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực hiện cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.



6. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính (bao gồm cả mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc) phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.

7. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

8. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

9. Các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này được tiếp tục sử dụng số đăng ký đã cấp trước khi gia hạn trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp số đăng ký gia hạn theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (đề b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (đề b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GDKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCHN, P.QLGT; Website;
- Lưu: VT, ĐKT (T) (02b).

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Cường

TY
H
PHẨM
HARM
Y. DÓN

Phụ lục I

DANH MỤC 918 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 187

(Kèm theo Quyết định số 737 /QĐ-QLD ngày 09 tháng 10 năm 2023
của Cục Quản lý Dược)

ST T	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

1. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 (Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 (Địa chỉ: 930 C4 đường C, Khu công nghiệp Cát Lái, cụm 2, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

1	Nadygenor	Arginin aspartat 1g	Dung dịch uống	Hộp 20 Ống x 5 ml	NSX	36	893110251923 (VD-27732-17)	01
2	Nadypharlux	Mỗi gói chứa Macroglol 4000 10g	Thuốc bột uống	Hộp 20 Gói x 10,21 g	NSX	36	893100252023 (VD-19299-13)	01
3	Allopurinol 300	Alopurinol 300mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110252123 (VD-25103-16)	01
4	Atorvastatin 20	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110252223 (VD-30253-18)	01
5	Fexnad 180	Fexofenadin hydroclorid 180mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	NSX	36	893100252323 (VD-29639-18)	01

2. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược Phẩm Imexpharm (Địa chỉ: Số 04 Đường 30/4, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp, Việt Nam)

2.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh 3 - Công ty CPDP Imexpharm tại Bình Dương (Địa chỉ: Số 22, Đường số 2, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

6	Cefoxitin 1 g	Cefoxitin (dưới dạng cefoxitin natri) 1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 Lọ x 1 gam; Hộp 10 Lọ x 1 gam.	USP hiện hành	24	893110252423 (VD-26841-17)	01
7	Ceftizoxim 1g	Ceftizoxim (dưới dạng ceftizoxim natri) 1gam	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 Lọ x 1g; Hộp 10 Lọ x 1g	USP hiện hành	24	893110252523 (VD-29757-18)	01
8	Imedoxim 100	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 Viên	USP hiện hành	24	893110252623 (VD-27890-17)	01
9	Imetoxim 1 g	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 Lọ x 1 gam, lọ thủy tinh; Hộp 10 Lọ x 1 gam, lọ thủy tinh	NSX	24	893110252723 (VD-26846-17)	01
10	Imexime 200	Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat) 200mg	Viên nang cứng	Hộp 02 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110252823 (VD-30399-18)	01
11	Zanimex 250	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 250mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 5 viên	NSX	36	893110252923 (VD-20746-14)	01

2.2. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược Phẩm Imexpharm (Địa chỉ: Số 04, Đường 30/4, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam)

ST T	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
226	Nidal Day	Ketoprofen 50mg	Viên nang mềm	Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên; Hộp 1 túi x 3 vi x 10 viên; Hộp 1 túi x 10 vi x 10 viên	NSX	36	893110274423 (VD-25137-16)	01
227	Sosallergy syrup	Desloratadin 1,25mg/2,5ml	Siro	Hộp 4 ống x 2,5 ml; Hộp 12 ống x 2,5 ml; Hộp 32 ống x 2,5 ml; Hộp 100 ống x 2,5 ml; Hộp 4 ống x 5 ml; Hộp 12 ống x 5 ml; Hộp 32 ống x 5 ml; Hộp 100 ống x 5 ml; Hộp 4 ống x 10 ml; Hộp 12 ống x 10 ml; Hộp 32 ống x 10 ml; Hộp 100 ống x 10 ml	NSX	24	893100274523 (VD-29679-18)	01
228	Usaallerz 120	Fexofenadin hydroclorid 120mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 10 viên; Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 6 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	893100274623 (VD-20419-14)	01
229	Usalukast 4	Montelukast (dưới dạng montelukast natri 4,16mg) 4mg	Viên nhai	Hộp 1 vi x 10 viên; Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	893110274723 (VD-28848-18)	01
230	Usasartim plus 150	Irbesartan 150mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 10 viên; Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	893110274823 (VD-22116-15)	01
231	Neo-Maxxacne T 10	Isotretinoin 10mg	Viên nang mềm	Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên; Hộp 1 túi x 3 vi x 10 viên; Hộp 1 túi x 10 vi x 10 viên.	NSX	36	893110274923 (VD-27776-17)	01

26. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên (Địa chỉ: 314 Bông Sao, phường 5, quận 8, Tp.Hồ Chí Minh)

26.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên (Địa chỉ: Lô C16, Đường số 9, khu công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

232	A.T Ascorbic syrup	Mỗi ống 5ml chứa: Acid ascorbic 100mg	Dung dịch uống	Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x 5 ml; Hộp 20 gói, 30 gói, 50 gói	NSX	24	893100275023 (VD-25624-16)	01
-----	--------------------	---------------------------------------	----------------	---	-----	----	----------------------------	----

ST T	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
				x 5 ml; Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x 10 ml; Hộp 1 chai 30 ml, 60 ml, 100ml				
233	A.T Atorvastatin 10 mg	Atorvastatin (Dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat) 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên	NSX	24	893110275123 (VD-27786-17)	01
234	A.T Atorvastatin 20 mg	Atorvastatin (Dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên	NSX	24	893110275223 (VD-27787-17)	01
235	A.T Bisoprolol 2.5	Bisoprolol fumarat 2,5mg	Viên nén	Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	NSX	24	893110275323 (VD-25625-16)	01
236	A.T Domperidon	Domperidon 5mg	Hỗn dịch uống	Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x 5 ml; Hộp 20 gói, 30 gói, 50 gói x 5 ml; Hộp 1 chai 30 ml, 60 ml, 100 ml	NSX	24	893110275423 (VD-26743-17)	01
237	A.T Furosemide inj	Mỗi ống 2ml chứa furosemid 20mg	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 2 ml	NSX	24	893110275523 (VD-25629-16)	01
238	A.T Gentamicine	Gentamicin (Dưới dạng Gentamicin sulfat) 80mg	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 2 ml	NSX	24	893110275623 (VD-27790-17)	01
239	A.T Imidapril 5mg	Imidapril hydroclorid 5mg	Viên nén	Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên	NSX	24	893110275723 (VD-29687-18)	01
240	A.T Olanzapine ODT 10 mg	Olanzapine 10mg	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 1 chai x 30 viên, 60 viên, 100 viên	NSX	24	893110275823 (VD-27792-17)	01
241	A.T Olanzapine ODT 5 mg	Olanzapine 5mg	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 1 chai x 30 viên, 60 viên, 100 viên	NSX	24	893110275923 (VD-27793-17)	01



UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1572/QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày 16 tháng 12 năm 2022



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (lần 1)
Gói thầu số 01: Thuốc generic

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế về Thông tư quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc kiện toàn nhân sự thành lập Ban mua thuốc tập trung tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 30/08/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-SYT ngày 08/9/2022 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023 - 2024;

Căn cứ Báo cáo ngày 12/12/2022 của Hội đồng thẩm định đấu thầu thuốc, vật tư y tế, hóa chất về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023 - 2024;

Xét đề nghị của Trưởng Ban mua thuốc tập trung tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Thuốc generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023 - 2024, cụ thể như sau:

- Tổng giá trị trúng thầu: **1.958.795.659.113 VNĐ.**

- Nhà thầu trúng thầu, giá trúng thầu, danh mục chi tiết mặt hàng trúng thầu:

(Đính kèm danh mục)

- Cách thức thực hiện: Sở Y tế ký kết thỏa thuận khung; các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ký kết hợp đồng trực tiếp với nhà thầu.

- Thời gian thực hiện thỏa thuận khung và hợp đồng: kể từ ngày thỏa thuận khung và hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2024.

- Loại hợp đồng: theo đơn giá cố định.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng: giá trị 5% giá trị hợp đồng, hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/01/2025.

Điều 2. Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (gọi chung là các đơn vị) căn cứ vào Quyết định này để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng theo quy định của pháp luật..

Điều 3. Các nhà thầu có tên tại Điều 1 và các đơn vị có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- BHXH tỉnh ĐN (phối hợp chi đạo);
- Website SYT (để đăng tải)
- Lưu: VT, BMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Trung

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 446/TCT-SYT

Đồng Nai, ngày 16 tháng 12 năm 2022

**THƯ CHẤP THUẬN
HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO THỎA THUẬN KHUNG**

Gói thầu số 01: Thuốc generic

Kính gửi: Công ty TNHH Dược phẩm Dongpharm

Căn cứ Quyết định số 1512.../QĐ-SYT ngày 16/12/2022 của Giám đốc Sở Y tế Đồng Nai về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Thuốc generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023 – 2024.

Sở Y tế thông báo Bên mời thầu đã chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao thỏa thuận khung cho nhà thầu để thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu Quyết định trên (đính kèm danh mục chi tiết), đề nghị nhà thầu thực hiện các nội dung sau:

1. Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 24 Chương VII – Biểu mẫu hợp đồng của Hồ sơ mời thầu đối với các cơ sở y tế có số lượng được phân bổ trong Thỏa thuận khung với giá trị là 5% giá trị hợp đồng, hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/01/2025.

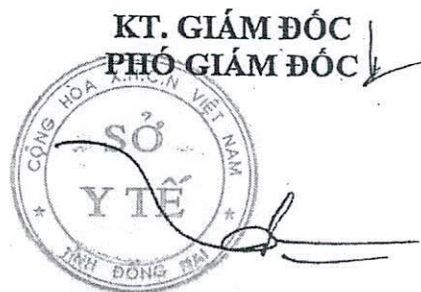
2. Đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết Thỏa thuận khung với Sở Y tế trước ngày 26/12/2022 tại địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (đính kèm dự thảo Thỏa thuận khung).

3. Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ Hợp đồng. Sở Y tế đề nghị nhà thầu hoàn thiện các nội dung trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Các CSYT (để thực hiện);
- Lưu: VT, BMT.



Lê Quang Trung

PHỤ LỤC

DANH MỤC KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CUNG CẤP THUỐC NĂM 2023 - 2024 (LẦN 1)
GÓI THẦU SỐ 01: THUỐC GENERIC

(Đính kèm Thư chấp thuận số 776/TCT-SYT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Sở Y tế Đồng Nai)

Tên nhà thầu trúng thầu: CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM DONAPHARM

STT	STT trong HSMIT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Tên nhà thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
1	1	1	Acarbose	Bluecose	100mg	Viên nén	Uống	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-20393-17	Bluepharma - Industria Farmaceutical, S.A	Portugal	Công ty TNHH Được phẩm Donapharm	Viên	213.350	4.700	1.002.745.000	36
2	639	2	Amoxicillin + acid clavulanic	Imefed 250mg/31,25mg	250mg + 31,25mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	Hộp 1 túi x 12 gói 1g	VD-31714-19	Chi nhánh Công ty cổ phần được phẩm Inexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Công ty TNHH Được phẩm Donapharm	Gói	282.030	7.500	2.115.225.000	36
3	694	2	Candesartan cilexetil	Guarente-16	16mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-28460-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Công ty TNHH Được phẩm Donapharm	Viên	1.273.360	4.490	5.717.386.400	36
4	720	2	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	Imexime 50	50mg	Thuốc bột pha hỗn dịch	Uống	Hộp 12 gói x 1g	VD-31116-18	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần được phẩm Inexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Công ty TNHH Được phẩm Donapharm	Gói	230.970	4.999	1.154.619.030	36
5	866	2	Isosorbide mononitrate	Vasotrate-30 OD	30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp lớn chứa 2 hộp nhỏ x 2 vỉ x 7 viên	VN-12691-11	Torrent Pharmaceuticals Ltd	India	Công ty TNHH Được phẩm Donapharm	Viên	234.670	2.500	586.675.000	36
6	885	2	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Levofloxacin 250mg/50ml	250mg/30ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 5 túi, 10 túi nhóm x 01 chai 50ml	VD-35190-21	Chi nhánh Công ty CPDP Inexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	Việt Nam	Công ty TNHH Được phẩm Donapharm	Chai	40.010	50.000	2.000.500.000	36
7	887	2	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Levofloxacin 750mg/150ml	750mg/150ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 5 túi, 10 túi nhóm x 01 chai 150ml	VD-35192-21	Chi nhánh Công ty CPDP Inexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	Việt Nam	Công ty TNHH Được phẩm Donapharm	Chai	84.680	155.000	13.125.400.000	36
8	1045	2	Sulpirid	Sulpiride STELLA 50mg	50mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-25028-16	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Công ty TNHH Được phẩm Donapharm	Viên	1.145.390	415	475.336.850	36
9	1147	3	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat)	Vixear	75mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-28772-18	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Công ty TNHH Được phẩm Donapharm	Viên	4.725.370	530	2.504.446.100	36
10	1171	3	Isosorbide mononitrate	Vasotrate-30 OD	30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp lớn chứa 2 hộp nhỏ x 2 vỉ x 7 viên	VN-12691-11	Torrent Pharmaceuticals Ltd	India	Công ty TNHH Được phẩm Donapharm	Viên	445.370	2.500	1.113.425.000	36
11	1179	3	Mebeverin hydroclorid	Mebever MR 200mg Capsules	200mg	Viên nang phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 1 vỉ nhôm/ nhôm x 10 viên	VN-10704-10	Geiz Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	Công ty TNHH Được phẩm Donapharm	Viên	548.020	3.450	1.890.669.000	36

STT	STT trong HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Nha sản xuất	Nước sản xuất	Tên nhà thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
12	1184	3	Methyl prednisolon	Medsolu 4mg	4mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên; 60 viên; lọ 90 viên	VD-21349-14	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Viên	858.710	890	764.251.900	36
13	1207	3	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium)	Carlurol 10	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-31018-18	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Viên	3.180.030	650	2.067.019.500	36
14	1262	4	Alimemazin tartrat	Atilene	2,5mg	Dung dịch uống	Uống	Hộp 20 ống x 5 ml, hộp 30 ống x 5ml, hộp 50 ống x 5ml.	VD-26754-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Ống	42.950	2.625	112.743.750	36
15	1289	4	Amoxicillin + acid clavulanic	Iba-Mentin 1000mg/62,5 mg	1g + 62,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vi x 7 viên	VD-28065-17	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Viên	173.340	15.990	2.771.706.600	36
16	1461	4	Eucalyptol 100mg; Tinh dầu tràm 50mg; Menthol 0,5mg; tinh dầu Tầm 0,30mg; tinh dầu Gừng 0,5mg	Mecaflu forte	50mg + 0,5mg + 0,30mg + 0,5mg + 100mg	Viên nang mềm	Uống	Hộp 5 vi, 10 vi x 10 viên	VD-19294-13	Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Viên	154.690	380	58.782.200	36
17	1469	4	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochlorid)	Relipro 400	400mg/200ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 200ml; Túi 200ml; Hộp 1 túi 200ml; Hộp 2 túi 200ml	VD-32447-19	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Chai/ Túi	14.010	44.500	623.445.000	36
18	1653	4	Gabapentin	Nuradre 400	400mg	Viên nang	Uống	Hộp 5 vi x 10 viên nang	VD-14150-11	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Viên	161.340	2.350	379.149.000	36
19	1743	4	Kẽm (dưới dạng Kẽm sulfate heptahydrat)	Atisyrup zinc	10mg/5ml	Siro	Uống	Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x 5ml (ống PVC/PE)	VD-31070-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Ống	89.090	4.800	427.632.000	36
20	1833	4	Mebeverin hydrochlorid	Opeverin	135mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 5 vi x 10 viên	VD-21678-14	Công ty Cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Viên	141.350	1.490	210.611.500	36
21	2034	4	Paracetamol + diphenhydramin hydrochlorid + phenylephrin HCL	New Ameflu PM	325mg + 25mg + 5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-25234-16	Công ty Cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Viên	53.340	1.900	101.346.000	36
22	2253	4	Urea	A.T Urea 20%	20%, 10g	Kem bôi da	Bôi	Hộp 1 muỗng 10g	VD-33398-19	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Tuýp	4.020	30.000	120.600.000	36
23	2293	4	Acid ascorbic	A.T Ascorbic syrup	100mg/5ml; 10ml	Dung dịch uống	Uống	Hộp 20 ống, hộp 30 ống, hộp 50 ống x 5 ml (dòng ống từ màng PVC/PE)	VD-25624-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Ống	439.380	2.500	1.098.450.000	36

STT	STT trong HSMIT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Tên nhà sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
24	2326	5	Budesonide + formoterol fumarat dihydrat	Fortraget Inhaler 200mcg+6mcg	200mcg + 6mcg; 120 liều	Thuốc phun mũi hệ hỗn dịch để hít qua đường miệng	Dạng hít	Hộp 1 bình xịt 120 liều	VN-22022-19	Gerz Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Bình	9.760	153.500	1.498.160.000	36
25	2329	5	Cefoxitin(dưới dạng Cefoxitin natri)	Midepime 2g	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm bắp, Tiêm tĩnh mạch, Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ	VD-29012-18	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Lọ	1.740	88.990	154.842.600	36
26	2360	5	Recombinant Human Erythropoietin 2000IU	Reliporex 2000 IU	2.000IU	Dung dịch tiêm	Tiêm dưới da, tiêm tĩnh mạch	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn	QLSP-0811-14	Reliance Life Sciences Pvt. Ltd	Ấn Độ	Công ty TNHH Dược phẩm Donapharm	Bơm tiêm	57.900	69.000	3.995.100.000	36

Tổng số mặt hàng trúng thầu: 26; Tổng giá trị trúng thầu:

46.070.267.430

STT	BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liệu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biển Hòa	TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trưng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quán Y 7B	Trưởng Sở Quan Lực Quán 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
1	133.340	-	-	-	-	-	13.340	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	66.670	-	-	-
2	-	-	-	40.000	-	-	16.000	6.670	-	-	20.000	-	53.340	24.000	53.340	8.000	26.670	13.340	-	-	20.000	670	-	-	-
3	733.340	296.670	-	-	-	-	40.000	13.340	40.000	-	-	-	-	-	50.000	-	-	6.670	-	-	93.340	-	-	-	-
4	-	-	-	20.000	-	-	40.000	26.670	1.340	-	26.000	24.000	26.670	-	53.340	6.670	5.340	-	-	-	6.670	270	-	-	-
5	108.000	40.000	-	-	-	-	40.000	40.000	-	-	6.670	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	26.670	4.000	-	4.000	-	-	2.670	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.670	-	-	-
7	40.000	14.340	-	-	-	-	15.000	6.000	1.340	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.000	-	-	-
8	93.340	93.340	-	-	-	-	93.340	26.670	26.670	40.000	200.000	34.670	120.000	42.670	13.340	66.670	8.000	6.670	106.670	86.670	6.670	80.000	-	-	-
9	2.000.000	1.333.340	-	-	-	2.670	-	666.670	-	-	-	33.340	53.340	480.000	-	-	85.340	4.000	-	-	-	66.670	-	-	-
10	133.340	66.670	-	-	-	1.340	66.670	-	-	-	20.000	4.000	6.670	-	66.670	13.340	-	-	-	-	-	66.670	-	-	-
11	333.340	160.000	-	-	-	-	26.670	-	6.670	-	8.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.340	-	-	-

STT	BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa hiệu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biển Hòa	TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quản Y 7B	Trưởng Sỹ Quan Lực Quán 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
12	133.340	-	-	-	-	-	80.000	26.670	53.340	40.000	20.000	93.340	26.670	-	66.670	-	78.670	20.000	-	-	53.340	66.670	80.000	20.000	-
13	2.733.340	133.340	-	-	-	6.670	-	266.670	-	-	-	26.670	-	-	-	13.340	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	-	-	-	-	-	-	-	1.600	-	-	13.340	6.670	-	-	-	-	21.340	-	-	-	-	-	-	-	-
15	120.000	40.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.340	-	-	-
16	-	53.340	-	-	-	-	-	66.670	6.670	-	-	-	-	-	-	-	-	26.670	-	-	-	-	-	-	1.340
17	2.670	10.670	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	670	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	-	160.000	1.340	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	-	-	-	66.670	-	-	-	-	6.670	-	-	-	9.340	1.070	-	-	5.340	-	-	-	-	-	-	-	-
20	133.340	-	-	-	-	-	-	-	6.670	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.340	-	-	-
21	-	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.670	-	-	-	26.670	-	-	-	-
22	-	670	-	-	-	-	1.340	-	-	-	670	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.340	-	-	-	-
23	26.670	-	670	-	-	-	53.340	20.000	6.670	-	13.340	26.670	6.670	-	-	200.000	49.340	26.670	-	-	-	6.670	-	-	-

STT	BVĐK Đông Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liệu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biển Hòa	TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trang Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TTYT H. Long Thành	BV Tâm Thần TW2	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quần Y 7B	Tương Sở Quản Lực Quần 2	Trung tâm nghiện	Bệnh xá công an tỉnh
24	670	4.000	-	-	670	-	1.340	800	670	270	270	-	-	-	-	670	-	-	-	-	-	400	-	-	-
25	-	1.740	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	9.340	13.340	-	-	-	-	10.670	13.340	400	-	2.000	-	-	-	6.670	-	2.140	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng	19.250.618.900	8.644.587.400	4.824.000	919.996.000	102.845.000	9.100.600	4.604.850.600	2.957.514.480	667.159.710	93.645.000	712.967.500	346.626.100	713.361.830	457.244.050	2.082.974.060	302.367.380	729.618.660	229.495.950	44.268.050	35.968.050	652.680.580	2.418.044.330	71.200.000	17.800.000	509.200

T N A M *

Số : 78-22/UQ-DONA

Đồng Nai, ngày 16 tháng 09 năm 2022

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2005;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014.
- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3603611886 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/12/2018;
- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Công ty.

Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm có địa chỉ hoạt động tại Số C1A, Khu Phố 3, Phường Tam Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mã số Doanh Nghiệp: 3603611886.

Điện thoại: 0886396668.

Email: dndonapharm@gmail.com

Website: www.donapharm.vn

Nhằm bảo đảm nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm.

Nay Ban Giám Đốc Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm thống nhất thực hiện bằng công việc ủy quyền như sau:

BÊN ỦY QUYỀN:

Bà Trần Thị Thanh Huyền

Chức vụ: Giám đốc

Số CMND: 276089277, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/03/2020.

Địa chỉ: A4/18, tổ 6, Khu phố 10, Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại liên hệ: 0972124809.

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Ông Đặng Xuân Trung

Chức vụ: Giám đốc điều hành

Số CCCD: 044077003196, do Cục Cảnh Sát Quản lý HC về TTXH cấp ngày 04/04/2021

Địa chỉ: A4/18, tổ 6, Khu phố 10, Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại liên hệ: 0917396668.



Bằng giấy ủy quyền này Bên nhận ủy quyền được quyền thay mặt Bên ủy quyền thực hiện các công việc sau:

I. Nội dung ủy quyền: Ông Đặng Xuân Trung, Chức vụ: Giám đốc điều hành được đại diện cho Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm thực hiện một số việc như sau:

- Ký các ký các hợp đồng kinh tế, hợp đồng ủy thác, hợp đồng ngoại, hợp đồng xuất nhập khẩu, phụ lục hợp đồng;

II. Thời gian, hiệu lực ủy quyền

1. Người được ủy quyền chỉ được thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm;
2. Hiệu lực ủy quyền: Ủy Quyền này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 09 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027; hoặc cho đến khi Giám Đốc có quyết định thay thế hoặc quản lý bị cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động, từ chức; hoặc các vấn đề khác.
3. Ông Đặng Xuân Trung và các Phòng ban liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**



Đặng Xuân Trung

**BÊN ỦY QUYỀN
GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thanh Huyền



GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2005;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014.
- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3603611886 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/12/2018;
- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Công ty.

Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm có địa chỉ hoạt động tại Số C1A, Khu Phố 3, Phường Tam Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mã số Doanh Nghiệp: 3603611886.

Điện thoại: 0886396668.

Email: dphdonapharm@gmail.com

Website: www.donapharm.vn

Nhằm bảo đảm nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm.

Nay Ban Giám Đốc Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm thống nhất thực hiện bằng công việc ủy quyền như sau:

BÊN ỦY QUYỀN:

Bà Trần Thị Thanh Huyền

Chức vụ: Giám đốc

Số CMND: 276089277, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/03/2020.

Địa chỉ: A4/18, tổ 6, Khu phố 10, Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại liên hệ: 0972124809.

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Ông Đặng Xuân Trung

Chức vụ: Giám đốc điều hành

Số CCCD: 044077003196, do Cục Cảnh Sát Quản lý HC về TTXH cấp ngày 04/04/2021

Địa chỉ: A4/18, tổ 6, Khu phố 10, Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại liên hệ: 0917396668.



Bằng giấy ủy quyền này Bên nhận ủy quyền được quyền thay mặt Bên ủy quyền thực hiện các công việc sau:

I. Nội dung ủy quyền: Ông Đặng Xuân Trung, Chức vụ: Giám đốc điều hành được đại diện cho Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm thực hiện một số việc như sau:

- Ký các ký các hợp đồng kinh tế, hợp đồng ủy thác, hợp đồng ngoại, hợp đồng xuất nhập khẩu, phụ lục hợp đồng;

II. Thời gian, hiệu lực ủy quyền

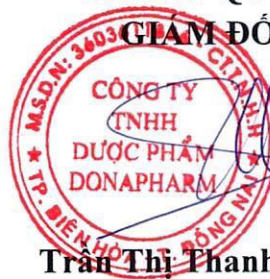
1. Người được ủy quyền chỉ được thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm;
2. Hiệu lực ủy quyền: Ủy Quyền này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 09 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027; hoặc cho đến khi Giám Đốc có quyết định thay thế hoặc quản lý bị cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động, từ chức; hoặc các vấn đề khác.
3. Ông Đặng Xuân Trung và các Phòng ban liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**



Đặng Xuân Trung

**BÊN ỦY QUYỀN
GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thanh Huyền



Đồng Nai, ngày 29 tháng 07 năm 2024

Số: 259/TĐBS.SĐK.DONA_SYTĐN
(V/v thay đổi bổ sung Số đăng ký lưu hành)

THÔNG BÁO VỀ VIỆC BỔ SUNG THAY ĐỔI SỐ ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH

Kính gửi: SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

BAN MUA THUỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Lời đầu tiên Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Quý Sở đối với Công ty chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-SYT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở y tế Tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (lần 2) Gói thầu số 01: Thuốc generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023-2024.

Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm xin thông báo đến Sở Y tế tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung thay đổi số đăng ký của mặt hàng mà công ty chúng tôi đã trúng thầu của Quyết định 1626/QĐ-SYT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở y tế Tỉnh Đồng Nai như sau:

STT	STT trong HSMT	Tên thuốc	Nhà sản xuất – Nước sản xuất	Số đăng ký đã trúng thầu	Số đăng ký thay đổi bổ sung
1	2030	Effer-paralmax codein 10	Công ty cổ phần dược phẩm Boston Việt Nam	VD-29694-18	893111203724

Tài liệu đính kèm gồm có:

+ Quyết định số 181/QĐ-QLD ngày 21 tháng 03 năm 2024 Về việc ban hành Danh mục 881 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam – Đợt 193.

+ Quyết định Quyết định số 1626/QĐ-SYT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở y tế Tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (lần 2) Gói thầu số 01: Thuốc generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023-2024.

Kính mong Quý Sở Y tế Đồng Nai cho Công ty chúng tôi được bổ sung số đăng ký của thuốc đã trúng thầu. Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

Đại diện hợp pháp của công ty



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Dặng Xuân Trung



Ký bởi: Cục Quản
lý Dược
Cơ quan: Bộ Y tế
Ngày ký: 21-03-
2024 15:20:39
+07:00

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 181 /QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục 881 thuốc sản xuất trong nước
được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 193**

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc
Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế
quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên
liệu làm thuốc - Bộ Y tế đợt 193 tại Công văn số 15/HDTV-VPHĐ ngày 19/02/2024
của Văn phòng Hội đồng tư vấn cấp GĐKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 881 thuốc sản xuất trong
nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 193, cụ thể:

- Danh mục 595 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu
hành hiệu lực 05 năm (Phụ lục I kèm theo).
- Danh mục 285 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu
hành hiệu lực 03 năm (Phụ lục II kèm theo).
- Danh mục 01 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành
hiệu lực đến 31/12/2025 (Phụ lục III kèm theo).

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

- Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải
in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.
- Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy
chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát
đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều
143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.
- Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại
Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về
chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
- Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa
nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định
của Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực

hiện cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.

5. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính (bao gồm cả mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc) phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.

6. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

7. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

8. Các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này được tiếp tục sử dụng số đăng ký đã cấp trước khi gia hạn trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp số đăng ký gia hạn theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

9. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2022/TT-BYT đối với các thuốc trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (đề b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (đề b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GDKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TỰ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCHN, P.QLGT;
- Website;
- Lưu: VT, ĐKT (C.H) (02b).

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Cường

Phụ lục II
DANH MỤC 285 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH
TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 03 NĂM - ĐỢT 193

(Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-QLD ngày 21 tháng 03 năm 2024
của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

1. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần DTS Việt Nam (Địa chỉ: Số 18, tổ 51, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà (Địa chỉ: Số 415 Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam)

1	Ubiheal 200	Alpha lipoic acid (thioctic acid) 200mg	Viên nang mềm	Hộp 5 vi x 6 viên; Hộp 10 vi x 6 viên, vi nhôm - PVC	NSX	36	893110195924 (VD-26669-17)	1
2	Ubiheal 300	Acid thioctic 300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 6 vi x 10 viên, vi Alu-Alu	USP hiện hành	36	893110196024 (VD-27692-17)	1

2. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà (Địa chỉ: Số 415 đường Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam)

2.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà (Địa chỉ: Số 415 đường Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam)

3	Aceffex	Vitamin A (Retinol palmitat) 300IU; Vitamin D3 (Cholecalciferol) 50IU; Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) 3mg; Vitamin B2 (Riboflavin) 3mg; Vitamin PP (Nicotinamid) 10mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 3mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 5µg (mcg); Sắt sulfat 16,5mg; Calci glycerophosphat 5mg; Magnesi gluconat 5mg; Lysine HCl 25mg	Viên nang mềm	Hộp 12 vi x 5 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	30	893100196124 (VD-17472-12)	1
4	Ausginin	L-Ornithine L- Aspartate 500mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 6 vi x 10 viên	NSX	30	893110196224 (VD-27955-17)	1



STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
73	Atirlic	Magnesi hydroxyd 800,4mg; Nhôm hydroxyd gel 3030,3mg	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói, 50 gói x 15g	NSX	24	893100203124 (VD-26749-17)	1
74	Atirlic forte	Magnesi hydroxyd 800mg; Nhôm hydroxyd (dưới dạng Nhôm hydroxyd gel khô) 800mg; Simethicon (dưới dạng Simethicon nhũ dịch 30%) 100mg	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói, 50 gói x 10g	NSX	24	893100203224 (VD-26750-17)	1
75	Ivermectin 6 A.T	Ivermectin 6mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ, 10 vỉ x 4 viên; Hộp 1 chai 30 viên	NSX	24	893110203324 (VD-26110-17)	1
76	Metpredni 16 A.T	Methylprednisolon 16mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên, 200 viên	NSX	36	893110203424 (VD-25658-16)	1
77	Paracetamol A.T inj	Paracetamol 300mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 2ml	NSX	24	893110203524 (VD-26757-17)	1

17. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Boston Việt Nam (Địa chỉ: Số 43 đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

17.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Boston Việt Nam (Địa chỉ: Số 43 đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

78	Bozypaine	Cetylpyridinium clorid 1,5mg	Viên nén ngậm	Hộp 01 tuýp x 24 viên, tuýp nhựa trắng; Hộp 02 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ Al/PVC	NSX	36	893110203624 (VD-28659-18)	1
79	Effer-paralmax codein 10	Paracetamol 500mg; Codein phosphat hemihydrat 10mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 05 vỉ x 04 viên, Hộp 10 vỉ x 04 viên, vỉ xé Al/Al	NSX	36	893111203724 (VD-29694-18)	1

18. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

18.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

80	Biosoft	Vitamin H (biotin) 10mg	Viên nang mềm	Hộp 2 vỉ x 15 viên; Hộp 4 vỉ x 15 viên; Hộp 6 vỉ x 15 viên	NSX	30	893100203824 (VD-29705-18)	1
----	---------	----------------------------	------------------	--	-----	----	-------------------------------	---

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1626/QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày 29 tháng 12 năm 2022



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (lần 2)
Gói thầu số 01: Thuốc generic

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế về Thông tư quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc kiện toàn nhân sự thành lập Ban mua thuốc tập trung tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 30/08/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-SYT ngày 08/9/2022 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023 - 2024;

Căn cứ Báo cáo ngày 12/12/2022 của Hội đồng thẩm định đấu thầu thuốc, vật tư y tế, hóa chất về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023 - 2024;

Căn cứ Báo cáo ngày 27/12/2022 của Ban mua thuốc tập trung tỉnh về việc báo cáo kết quả rà soát lại HSĐX và thực hiện đàm phán giá các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023 - 2024;

Xét đề nghị của Trưởng Ban mua thuốc tập trung tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Thuốc generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023 - 2024, cụ thể như sau:

- Tổng giá trị trúng thầu: **487.619.008.500 VNĐ.**
- Nhà thầu trúng thầu, giá trúng thầu, danh mục chi tiết mặt hàng trúng thầu:

(Đính kèm danh mục)

- Cách thức thực hiện: Sở Y tế ký kết thỏa thuận khung; các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ký kết hợp đồng trực tiếp với nhà thầu.

- Thời gian thực hiện thỏa thuận khung và hợp đồng: kể từ ngày thỏa thuận khung và hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2024.

- Loại hợp đồng: theo đơn giá cố định.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng: giá trị 5% giá trị hợp đồng, hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/01/2025.

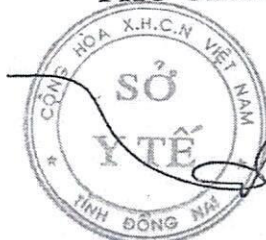
Điều 2. Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (gọi chung là các đơn vị) căn cứ vào Quyết định này để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng theo quy định của pháp luật..

Điều 3. Các nhà thầu có tên tại Điều 1 và các đơn vị có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- BHXH tỉnh ĐN (phối hợp chỉ đạo);
- Website SYT (để đăng tải)
- Lưu: VT, BMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Trung

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 822 /TCT-SYT

Đồng Nai, ngày 29 tháng 12 năm 2022

**THƯ CHẤP THUẬN
HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO THỎA THUẬN KHUNG**

Gói thầu số 01: Thuốc generic

Kính gửi: Công ty TNHH Dược phẩm Dona pharim

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-SYT ngày 29/12/2022 của Giám đốc Sở Y tế Đồng Nai về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (lần 2) Gói thầu số 01: Thuốc generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu, vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023 – 2024.

Sở Y tế thông báo Bên mời thầu đã chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao thỏa thuận khung cho nhà thầu để thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu Quyết định trên (đính kèm danh mục chi tiết), đề nghị nhà thầu thực hiện các nội dung sau:

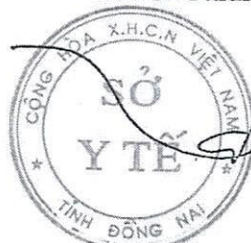
1. Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 47B Chương VII – Biểu mẫu hợp đồng của Hồ sơ mời thầu đối với các cơ sở y tế có số lượng được phân bổ trong Thỏa thuận khung với giá trị là 5% giá trị hợp đồng, hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/01/2025.
2. Đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết Thỏa thuận khung với Sở Y tế trước ngày 06/01/2023 tại địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (đính kèm dự thảo Thỏa thuận khung).
3. Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ Hợp đồng. Sở Y tế đề nghị nhà thầu hoàn thiện các nội dung trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Các CSYT (để thực hiện);
- Lưu: VT, BMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Quang Trung

PHỤ LỤC
DANH MỤC KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CUNG CẤP THUỐC NĂM 2023 - 2024 (LẦN 2)
GÓI THẦU SỐ 01: THUỐC GENERIC
(Đính kèm Thư chấp thuận và trao thỏa thuận khung số 822/TCT-SYT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Sở Y tế Đồng Nai)

Tên nhà thầu: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DONAPHARM

STT	STT trong HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Tên nhà thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
1	443	1	Perindopril + indapamide	Prenevel 8mg/2,5mg Tablets	8mg + 2,5mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-21714-19	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Viên	81.340	9.450	768.663.000	36
2	643	2	Amoxicilin + acid clavulanic	Imefed 500mg/125mg	500mg + 125mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	Hộp 12 gói x 1,6g	VD-31718-19	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Inexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Gói	588.020	9.680	5.692.033.600	36
3	712	2	Cefamandol (dưới dạng Cefamandol natri) 1g	Cefamandol 1g	1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ, 10 lọ x 1g	VD-31706-19	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Inexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Lọ	53.350	66.629	3.554.657.150	36
4	718	2	Cefixim	Imerxxx 200	200mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-32836-19	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Inexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Viên	504.040	5.679	2.862.443.160	36
5	724	2	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri)	Cefoperazone 0,5g	500mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm bắp, Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ, 10 lọ x 0,5g	VD-31708-19	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Inexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Lọ	12.010	35.000	420.350.000	36
6	734	2	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	Imedoxim 100	100mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch	Uống	Hộp 12 gói x 1g	VD-32835-19	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Inexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Gói	80.010	8.210	656.882.100	36
7	735	2	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	Imedoxim 200	200mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-27892-17	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Inexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Viên	349.350	9.750	3.406.162.500	36
8	893	2	Linezolid*	Forlen	600mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-34678-20	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Viên	4.490	17.500	78.575.000	36
9	1213	3	Tamsulosin hydroclorid	Xalgetz 0.4mg	0.4mg	Viên nang	Uống	Hộp 1 vỉ x 10 viên nang	VN-11880-11	Getz Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Viên	80.020	3.300	264.066.000	36

STT	STT trong HSMT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Tên nhà thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
10	1357	4	Bromhexin hydroclorid	Bromhexine A.T	4mg/5ml	Dung dịch uống	Uống	Hộp 20 ống, hộp 30 ống, hộp 50 ống x 5ml	VD-25652-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Ống	213.360	4.980	1.062.532.800	36
11	1437	4	Cefoxitin	Fisafly 2 g	2g	Bột pha tiêm	Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	VD-24716-16	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Lọ	29.750	92.000	2.737.000.000	36
12	1509	4	Đan sâm, Tan thất, Borneol/Camphor.	Quancardio	3,5mg + 0,343mg + 0,2mg	Hoàn cứng	Uống	Hộp 1 vỉ x 2 lọ x 100 viên	VD-29091-18	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Viên	146.670	580	85.068.600	36
13	1821	4	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Bixiantac	800,4mg + 612mg + 80mg	Hỗn dịch uống	Uống	Hộp 20 gói x 10 ml (gói nhôm)	VD-22395-15	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Gói	741.380	3.200	2.372.416.000	36
14	1969	4	Nystatin	Binystar	25.000IU	Thuốc bôi dùng ngoài	Bôi	Hộp 10 gói x 1 gam	VD-25258-16	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Gói	32.160	980	31.516.800	36
15	1998	4	Pantoprazol	Naptogast 20	20mg	viên nang	Uống	Hộp 2 vỉ x 6 viên; Hộp 2 vỉ x 7 viên; Hộp 4 vỉ x 7 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-13226-10	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Viên	1.773.350	1.554	2.755.785.900	36
16	2030	4	Paracetamol + codem phosphat hemihydrat	Effer-paralmax codem 10	500mg + 10mg	Viên nén sủi bọt	Uống	Hộp 5 vỉ x 4 viên; hộp 10 vỉ x 4 viên; hộp 25 vỉ x 4 viên	VD-29694-18	Công ty cổ phần dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Viên	238.700	2.100	501.270.000	36
17	2033	4	Acetaminophen + diphenhydramin hydroclorid	Tydol PM	500mg + 25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-31815-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Viên	80.010	820	65.608.200	36
18	2180	4	Simvastatin (dạng Simglipin phosphat monohydrat)	Bividia 25	25mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai x 60 viên	VD-35886-22	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Công Ty TNHH Dược Phẩm Donapharm	Viên	1.306.680	2.000	2.613.360.000	36

Tổng số mặt hàng: 18 ; Tổng giá trị trúng thầu:

29.928.390.810

STT	BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Nhi	BV Phổi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TIYT TP. Biên Hòa	TIYT H. Cẩm Mỹ	TIYT H. Thống Nhất	TIYT H. Nhơn Trạch	TIYT H. Tân Phú	TIYT H. Trảng Bom	TIYT H. Vĩnh Cửu	TIYT H. Xuân Lộc	TIYT H. Long Thành
1	40.000	40.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	266.670	-	-	50.000	20.000	-	40.000	8.000	-	26.670	-	-	6.670	6.670	53.340	-	-	-
3	26.670	16.010	-	-	-	-	4.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	93.340	40.000	2.670	4.000	-	-	106.670	26.670	-	-	-	38.670	26.670	45.340	-	26.670	13.340	-
5	-	6.670	-	-	-	-	2.670	-	-	-	2.670	-	-	-	-	-	-	-
6	-	-	-	26.670	-	-	40.000	-	-	-	-	-	-	-	-	2.670	4.000	-
7	120.000	40.000	-	-	-	-	53.340	-	6.670	20.000	6.670	-	-	16.000	-	6.670	-	-
8	1.340	1.340	-	1.340	-	-	-	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	53.340	-	-	-	-	-	6.670	-	-	-	13.340	-	-	-	-	-	-	-

STT	BVĐK Đồng Nai	BVĐK Thống Nhất ĐN	BV Đa liễu	BV Núi	BV Phôi	BV YDCT	BVĐK KV Định Quán	BVĐK KV Long Khánh	BVĐK KV Long Thành	TTYT TP. Biên Hòa	TTYT H. Cẩm Mỹ	TTYT H. Thống Nhất	TTYT H. Nhơn Trạch	TTYT H. Tân Phú	TTYT H. Trảng Bom	TTYT H. Vĩnh Cửu	TTYT H. Xuân Lộc	TTYT H. Long Thành
10	40.000	-	-	20.000	-	-	40.000	-	-	-	6.670	-	6.670	-	53.340	-	26.670	-
11	20.000	5.340	-	-	-	-	-	1.340	-	-	-	-	-	-	2.670	-	-	-
12	80.000	-	-	-	-	66.670	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	106.680	96.670	-	8.000	-	-	133.340	26.670	-	-	40.000	66.670	53.340	-	-	-	-	26.670
14	-	-	-	12.000	-	-	-	670	-	-	6.670	1.340	-	800	-	1.340	2.670	2.670
15	866.670	400.000	-	-	-	-	-	6.670	26.670	-	40.000	-	-	-	266.670	-	-	-
16	-	-	-	-	-	6.670	40.000	-	-	-	-	22.670	-	37.340	66.670	-	57.340	6.670
17	-	13.340	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	66.670	-
18	1.153.340	-	-	-	-	-	20.000	133.340	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng	12.716.372,070	3.751.953,090	15.162,930	886.086,700	193.600,000	52.675,600	2.973.308,930	722.224,710	106.477,680	453.165,600	432.417,700	481.871,130	419.929,130	557.249,460	1.582.016,580	239.725,330	419.114,460	101.967,600

STT	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su ĐN	BV Quân Y 7B
1	-	-	1.340
2	-	-	110.000
3	-	-	6.670
4	-	-	80.000
5	-	-	-
6	-	-	6.670
7	-	-	80.000
8	-	-	70
9	-	-	6.670

STT	Viện Pháp Y TT	BV Cao Su DN	BV Quân Y 7B
10	-	13.340	6.670
11	-	-	400
12	-	-	-
13	-	173.340	10.000
14	-	4.000	-
15	20.000	40.000	106.670
16	-	-	1.340
17	-	-	-
18	-	-	-
Tổng	31.080.000	687.201.200	3.104.790.910

Số : 77/2022/QĐ-DONA

Đồng Nai, ngày 15 tháng 09 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DONAPHARM**

V/v: Bổ nhiệm giám đốc điều hành

BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DONAPHARM

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm.;
- Căn cứ vào yêu cầu hoạt động kinh doanh;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm

Ông: Đặng Xuân Trung Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/11/1977 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD: 044077003196

Nơi cấp: Cục CS quản lý về trật tự xã hội Ngày cấp 04/04/2021

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A4/18, Tổ 6, KP10, Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai.

Chỗ ở hiện tại:

Giữ chức vụ: **Giám đốc điều hành** Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm

Điều 2: Ông Đặng Xuân Trung có các nghĩa vụ và các quyền:

- Yêu cầu các bộ phận trong doanh nghiệp phối kết hợp thực hiện các công việc có liên quan;
- Ký duyệt các chứng từ, báo cáo và phải đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp của các giấy tờ này.
- Ông Đặng Xuân Trung được hưởng lương, bảo hiểm xã hội, chế độ công tác phí theo quy định trong Hợp đồng lao động và các quy chế tài chính khác của Công ty



Điều 3: Ông Đặng Xuân Trung và những người liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận

- Như điều 3
- Lưu VP

GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THANH HUYỀN



Số : 77/2022/QĐ-DONA

Đồng Nai, ngày 15 tháng 09 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DONAPHARM**

V/v: Bổ nhiệm giám đốc điều hành

BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DONAPHARM

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm.;
- Căn cứ vào yêu cầu hoạt động kinh doanh;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm

Ông: Đặng Xuân Trung Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/11/1977 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD: 044077003196

Nơi cấp: Cục CS quản lý về trật tự xã hội Ngày cấp 04/04/2021

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A4/18, Tổ 6, KP10, Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai.

Chỗ ở hiện tại:

Giữ chức vụ: **Giám đốc điều hành** Công ty TNHH Dược Phẩm Donapharm

Điều 2: Ông Đặng Xuân Trung có các nghĩa vụ và các quyền:

- Yêu cầu các bộ phận trong doanh nghiệp phối kết hợp thực hiện các công việc có liên quan;
- Ký duyệt các chứng từ, báo cáo và phải đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp của các giấy tờ này.
- Ông Đặng Xuân Trung được hưởng lương, bảo hiểm xã hội, chế độ công tác phí theo quy định trong Hợp đồng lao động và các quy chế tài chính khác của Công ty



Điều 3: Ông Đặng Xuân Trung và những người liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận

- Như điều 3
- Lưu VP

GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THANH HUYỀN

